



GIỚI THIỆU CHUNG

NGOC LAN CABLE được thành lập vào năm 1992, tự hào với hơn 30 năm kinh nghiệm sản xuất, cung cấp dây & cáp điện cho hệ thống lưới điện quốc gia Việt Nam và các đối tác trong khu vực Đông Nam Á. Chúng tôi không ngừng nghiên cứu, cải tiến chất lượng để phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế được áp dụng nghiêm ngặt trong quy trình sản xuất tại NGOC LAN CABLE: TCVN, ASTM, IEC, BS, ICEA, AS/NZS, JIS, KS... Với hệ thống thử nghiệm chất lượng hàng đầu như Hipotronics, Phenix Technologies, Burster, Yokogawa...

Sản phẩm thương hiệu NGOC LAN CABLE được sản xuất đồng bộ tại các nhà máy có công nghệ tiên tiến, hệ thống máy móc được chế tạo bởi các thương hiệu đầu ngành như: HAMANA (Nhật), STOLBERGER (Đức), OHMIYA SEIKI (Nhật), CORTINOVIS (Ý), MAILLEFER (Thụy Sĩ), SETIC (Pháp)...

Năm 2010, những đơn hàng xuất khẩu cho thị trường Đông Nam Á chính là dấu mốc quan trọng phá vỡ giới hạn địa lý của NGOC LAN CABLE, và tiếp nối đó là sự cải tiến sản phẩm để tập trung mạnh mẽ đến thị trường Mỹ, Úc và Châu Á.

Với nhu cầu đa dạng của khách hàng - tiêu chuẩn đặc thù của từng thị trường, thì sự lắng nghe - thấu hiểu - cải tiến chính là phương châm hoạt động bền vững, tạo nên giá trị cốt lõi của NGOC LAN CABLE.

INTRODUCTION

Ngoc Lan Cable, established in 1992, specializes in manufacturing and supplying electrical wires and cables to Vietnam's national power grid and Southeast Asian markets. With over 30 years of experience, we prioritize continuous research and quality improvements to meet customer demand.

The production strictly adheres to national and international standards, including TCVN, ASTM, IEC, BS, ICEA, AS/NZS, JIS, and KS. To ensure the production quality meet standards, Ngoc Lan Cable utilizes advanced quality testing equipment from brands such as Hipotronics, Phenix Technologies, Burster, and Yokogawa.

Ngoc Lan Cable products are manufactured in facilities equipped with machine from leading brands such as HAMANA (Japan), STOLBERGER (Germany), OHMIYA SEIKI (Japan), CORTINOVIS (Italy), MAILLEFER (Switzerland), and SETIC (France).

In 2010, our successful expansion into Southeast Asian markets marked a milestone and we are now focused on innovative product development to enter key markets in the United States, Australia, and Europe.

In response to the demands of our customers and the different standards of each market, NGOC LAN CABLE is guided by the principles of attentive listening, deep understanding, and continuous improvement. These principles constitute the foundation of our sustainable operations and core values within our organization.





THÔNG TIN CHUNG / GENERAL INFORMATION

Tên công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT NGỌC LAN**

Tên viết tắt: **NGOC LAN CABLE**

Tên thương hiệu: **NGOC LAN CABLE**

Giấy chứng nhận ĐKKD số: **0302629299**

Company name: **NGOC LAN MANUFACTURING COMPANY LIMITED.**

Short name: **NGOC LAN MFG CO., LTD**

Brand name: **NGOC LAN CABLE**

Business Registration Certificate No: **0302629299.**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

Sản xuất, cung cấp dây và cáp điện lực các loại.

Primary business sector:

Manufacturing, supplying various types of electrical wires and cables.

☎ (+84) 28 3790 2609

✉ ngoclanpte@gmail.com

✉ info@ngoclanable.com

🌐 ngoclanable.com





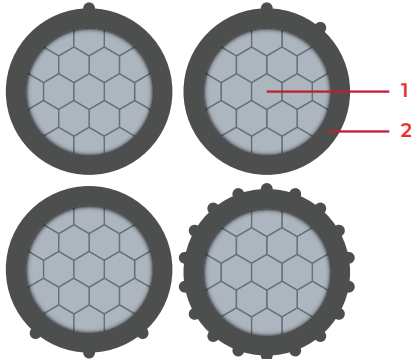
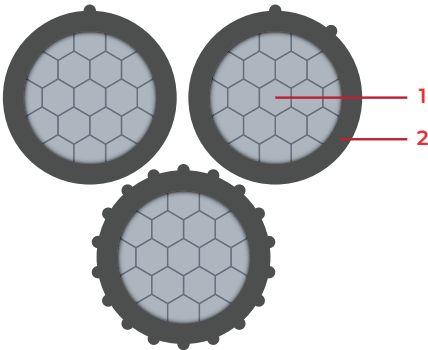
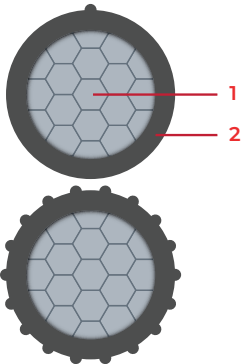
LV - 0.6/1kV - AL/XLPE
LV - 0.6/1kV - ABC

CÁP NHÔM VẠN XOẮN HẠ THẾ, 2, 3, 4 LỖI,
RUỘT DẪN NHÔM, CÁCH ĐIỆN XLPE

ỨNG DỤNG: Sử dụng trong các công trình, thang cáp, máng cáp, ống đi trên tường hoặc âm tường, trong các hộp cáp kín, trong các nhà xưởng, tòa nhà, nguồn đi đến các thiết bị máy móc trong các ống chôn dưới lòng đất,...

LV AERIAL BUNDLED CABLE (ABC), 2, 3, 4 - CORES, ALUMINUM CONDUCTOR, XLPE INSULATED

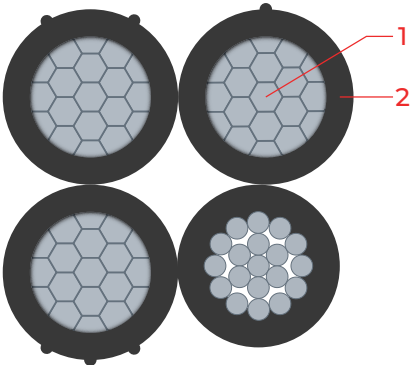
APPLICATION: Used in buildings, cable ladders, cable trays, pipes running on walls or in walls, in closed cable boxes, in factories, buildings, sources go to mechanical equipment in pipes buried underground,...



2 LỖI/ 2 CORE

3 LỖI/ 3 CORE

4 LỖI/ 4 CORE



3 PHA + 1 TRUNG TÍNH/ 3 ACTIVE + 1 NEUTRAL

CẤU TRÚC:

1. Ruột dẫn:
 - 2, 3, 4 lõi: Ruột dẫn cấp 2, các sợi nhôm xoắn đồng tâm nén chặt.
 - 3 lõi + 1 lõi trung tính:
 - » Lõi pha: Ruột dẫn cấp 2, các sợi nhôm xoắn đồng tâm nén chặt.
 - » Lõi trung tính: Ruột hợp kim nhôm tròn.
2. Cách điện: Nhựa XLPE hạ thế màu đen 2% carbon.

TIÊU CHUẨN/ STANDARDS: AS/NZS 3560; TCVN 6447; IEC 60502-1/ TCVN 5935-1; IEC 60228/ TCVN 6612

NHẬN BIẾT CÁP:

- **Cáp 2 lõi:**
 - » Lõi pha 1: 1 gân
 - » Lõi trung tính: Có ≥ 10 gân⁽¹⁾ cách đều nhau hoặc không gân
- **Cáp 3 lõi:**
 - » Lõi pha 1: Có 1 gân
 - » Lõi pha 2: Có 2 gân
 - » Lõi trung tính: Có ≥ 10 gân⁽¹⁾ cách đều nhau hoặc không gân
- **Cáp 4 lõi:**
 - » Lõi pha 1: Có 1 gân
 - » Lõi pha 2: Có 2 gân
 - » Lõi pha 3: Có 3 gân
 - » Lõi trung tính: Có ≥ 10 gân⁽¹⁾ cách đều nhau hoặc không gân

⁽¹⁾ Số gân trên lõi trung tính/ Number of rib on neutral core:

Tiết diện danh định ruột dẫn (mm ²) Nominal cross-sectional area of conductor	16	25	35	50	70	95	120	150
Số lượng gân nổi Number of ribs	10	12	14	16	18	20	22	24

KÍ HIỆU TRÊN CÁP/ MARKINGS:

2, 3, 4 LỖI/CORE:

CÁP NHÔM VẶN XOẮN 0.6/1kV - ABC [N]Cx [SIZE] mm² XLPE - NGOC LAN CABLE® N-[NĂM SX] = #####m
AERIAL BUNDLED CABLE 0.6/1kV - ABC [N]Cx [SIZE] mm² XLPE - NGOC LAN CABLE® N-[YEAR] = #####m

3 PHA + 1 TRUNG TÍNH/ 3 ACTIVE + 1 NEUTRAL:

CÁP NHÔM VẶN XOẮN 0.6/1kV - ABC 3Cx [SIZE] + 1Cx [SIZE] mm² XLPE - NGOC LAN CABLE® N-[NĂM SX] = #####m
AERIAL BUNDLED CABLE - ABC 3Cx [SIZE] + 1Cx [SIZE] mm² XLPE - NGOC LAN CABLE® N-[YEAR] = #####m

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Điện áp danh định (U₀/U): 0.6/1kV.
- Điện áp thử 50Hz trong 5 phút: 3.5kV.
- Điện áp thử nghiệm xung sét 1.2/50μs:
 - » Tiết diện danh định < 35mm²: 15kV.
 - » Tiết diện danh định ≥ 35 mm²: 20kV.
- Nhiệt độ làm việc danh định tối đa ruột dẫn: 90°C.
- Nhiệt độ ngắn mạch trong 5s tối đa ruột dẫn: 250°C.

STRUCTURE:

1. Conductor:
 - 2, 3, 4 cores: Hard drawn aluminum, circular compacted conductor (class 2).
 - 3 active + 1 neutral:
 - » Active: Hard drawn aluminum, circular compacted conductor (class 2).
 - » Neutral: Al alloy uncompacted conductor.
2. Insulation: XLPE black color (carbon content $\geq 2\%$).

CABLE IDENTIFICATION:

- **2-core cable:**
 - » Phase 1: 1 rib
 - » Neutral core: Not less than ≥ 10 ribs⁽¹⁾ or no rib
- **3-core cable:**
 - » Phase 1: 1 rib
 - » Phase 2: 2 ribs
 - » Neutral core: Not less than ≥ 10 ribs⁽¹⁾ or no rib
- **4-core cable:**
 - » Phase 1: 1 rib
 - » Phase 2: 2 ribs
 - » Phase 3: 3 ribs
 - » Neutral core: Not less than ≥ 10 ribs⁽¹⁾ or no rib

TECHNICAL CHARACTERISTICS:

- Rated voltage (U₀/U): 0.6/1kV.
- Voltage test 50Hz - 5min: 3.5kV.
- Impulse test (1.2/50)μs:
 - » Nominal conductor area < 35mm²: 15kV.
 - » Nominal conductor area ≥ 35 mm²: 20kV.
- Max. conductor temperature in normal operation: 90°C.
- Max. conductor temperature in short-circuit for 5s max duration: 250°C.

ABC 2C, 3C, 4C									
Tiết diện danh định	Cấu trúc			Đường kính ruột dẫn	Chiều dày cách điện danh định	Đường kính lớn nhất của lõi	Đường kính ngoài gần đúng của cáp		
	Structure						Approx. Overall diameter of cable		
Nominal area	2C	3C	4C	Approx. Conductor diameter	Nom. Thickness of insulation	Max. Diameter of core	2C	3C	4C
mm²	N° x mm			mm	mm	mm	mm		
16	CC	CC	CC	4.80	1.3	7.9	14.8	16.0	17.9
25	CC	CC	CC	5.80	1.3	9.2	16.8	18.1	20.3
35	CC	CC	CC	7.00	1.3	10.3	19.2	20.7	23.2
50	CC	CC	CC	8.20	1.5	11.9	22.4	24.2	27.1
70	CC	CC	CC	9.70	1.5	13.6	25.4	27.4	30.7
95	CC	CC	CC	11.50	1.7	15.9	29.8	32.2	36.1
120	CC	CC	CC	12.85	1.7	17.5	32.5	35.1	39.3
150	CC	CC	CC	14.50	1.7	18.9	35.8	38.7	43.3

Tiết diện danh định	Điện trở DC tối đa ở 20°C	Trọng lượng gần đúng			Dòng điện cho phép		
Nominal area	Max. DC resistance at 20°C	Approx. Weight			Permissible current		
		2C	3C	4C	2C	3C	4C
mm²	Ω/km	kg/km			A		
16	1.910	133	199	265	96	78	78
25	1.200	188	281	375	125	105	105
35	0.868	245	367	490	155	125	125
50	0.641	327	491	654	185	150	150
70	0.443	458	687	917	225	185	185
95	0.320	622	933	1244	285	225	225
120	0.253	764	1146	1529	315	260	260
150	0.206	956	1433	1911	350	285	285

*Ngoài những sản phẩm có quy cách theo bảng trên, chúng tôi có thể sản xuất theo quy cách của quý khách hàng với hai tiêu chí bao gồm kích thước và tiêu chuẩn hàng hóa.

*Beside the table of specification above, the other requirements can be satisfied following to customer demand. Such as size and standards.

ABC 3C + 1C													
Tiết diện danh định	Đường kính ruột dẫn Approx. Conductor diameter		Chiều dày cách điện danh định Nom. Thickness of Insulation		Đường kính ngoài gần đúng của cáp Approx. Overall diameter of cable			Điện trở DC tối đa ở 20°C Max. DC resistance at 20°C		Dòng điện cho phép	Lực kéo đứt nhỏ nhất Min. breaking load		Trọng lượng gần đúng
	Pha	Trung tính	Pha	Trung tính	Pha	Trung tính	Cáp	Pha	Trung tính		Pha	Trung tính	
Nominal area	Active	Neutral	Active	Neutral	Active	Neutral	Cable	Active	Neutral	Permissible current	Active	Neutral	Approx. Weight
mm ²	mm		mm		mm			Ω/km		A	kN		kg/km
3x16+1x25	CC	7 x 2.14	1.3	1.3	4.80	6.42	18.90	1.910	1.200	78	2.2	3.5	313.26
3x25+1x25	CC	7 x 2.14	1.3	1.3	5.80	6.42	20.70	1.200	1.200	105	3.5	3.5	395.85
3x35+1x25	CC	7 x 2.14	1.3	1.3	7.00	6.42	22.90	0.868	1.200	125	4.9	3.5	481.63
3x50+1x35	CC	7 x 2.52	1.5	1.3	8.20	7.56	26.50	0.641	0.868	150	7.0	4.9	621.97
3x50+1x50	CC	19 x 1.8	1.5	1.5	8.20	9.00	27.60	0.641	0.641	150	7.0	7.0	946.80
3x70+1x50	CC	19 x 1.8	1.5	1.5	9.70	9.00	30.31	0.443	0.641	185	9.8	7.0	1143.64
3x70+1x70	CC	19 x 2.14	1.5	1.5	9.70	10.70	31.34	0.443	0.443	185	9.8	9.8	1178.22
3x95+1x70	CC	19 x 2.14	1.7	1.5	11.50	10.70	35.33	0.320	0.443	225	13.3	9.8	1424.02
3x120+1x70	CC	19 x 2.14	1.7	1.5	12.85	10.70	37.80	0.253	0.443	260	16.8	9.8	1651.62
3x150+1x70	CC	19 x 2.14	1.7	1.5	14.50	10.70	40.80	0.206	0.443	285	21.0	9.8	1923.95

*Ngoài những sản phẩm có quy cách theo bảng trên, chúng tôi có thể sản xuất theo quy cách của quý khách hàng với hai tiêu chí bao gồm kích thước và tiêu chuẩn hàng hóa.

*Beside the table of specification above, the other requirements can be satisfied following to customer demand. Such as size and standards.